

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19/5/2022

V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan;
2. Ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh P, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Thùy D, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Minh P trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Thùy D (sau đây viết tắt là chị D) tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2006 ngày 11/10/2006 của UBND thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình chung sống, giữa anh và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu sự tôn trọng lẫn nhau; khoảng tháng 8/2021 giữa anh và chị D không còn chung sống với nhau. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh P, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 (hai) con chung, gồm các cháu Lê Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2012, Lê Thị Trâm A, sinh ngày 13/5/2017, hiện chị D đang chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn, anh yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con theo nguyện vọng của các con, nếu các con muốn sinh sống cùng với chị D thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng); nếu con muốn sinh sống cùng với anh thì anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phan Thị Thùy D không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa anh P và chị D xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P; hiện nay các con chung là các cháu Lê Thị Kiều M, Lê Thị Trâm A đang sinh sống ổn định cùng với chị D và các con cũng có nguyện vọng được tiếp

tục sinh sống với chị D nên đề nghị giao các con chung cho D nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh P về việc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là anh P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là chị D vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị D không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Căn cứ vào Điều 91 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 11/10/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của anh P, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh P và chị D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị anh P và chị D là hợp pháp.

[2.2] Anh P cho rằng giữa anh và chị D xảy ra nhiều mâu thuẫn do không có sự tôn trọng lẫn nhau và hiện nay anh chị không còn sống chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D không có ý kiến trình bày hay phản đối các tình tiết, sự kiện mà anh P đã nêu về nguyên nhân và quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như các vấn đề khác nên theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà anh P đưa ra không phải chứng minh. Chị D không đến Tòa án để tham gia hòa giải thể hiện chị D không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh P và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định giữa anh P và chị D có 02 (hai) con chung là các cháu Lê Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2012, Lê Thị Trâm Anh, sinh ngày 13/5/2017 hiện nay chị D đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu M, A. Xét thấy các cháu M, A đều có nguyện vọng được sinh sống với chị D nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu M, A và căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu M, A cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Anh P đề nghị ghi nhận trong bản án nội dung anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các cháu M, A mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi các cháu M, A đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của các cháu M, A và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Anh Lê Minh P được ly hôn chị Phan Thị Thùy D.

2. Giao cháu Lê Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thị Trâm A, sinh ngày 13/5/2017 cho chị Phan Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để chị Phan Thị Thùy D thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Minh P về việc cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Anh Lê Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Thị Kiều M và cháu Lê Thị Trâm A mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu Lê Thị Kiều M và cháu Lê Thị Trâm A đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Anh Lê Minh P phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền anh P đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003839 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thì anh P phải tiếp tục nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND thị trấn Châu Ổ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô